TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Vân A, sinh năm: 1989; thường trú: Số A Đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hữu Quang H, sinh năm: 1988; thường trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Số A Đường C, khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị Vân A trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H tự nguyện tìm nhiểu khoảng 03 năm thì về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 ngày 18/5/2017. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ

chồng sống tại gia đình vợ tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khoảng năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà và ông H không tìm được tiếng nói chung trong việc lựa chọn nơi sinh sống, ông H muốn vợ về quê, còn bà thì muốn sống ở trong này. Cho đến nay bà và ông H vẫn chưa giải quyết được vấn đề này. Ngoài ra ông H ham chơi đánh bài, không minh bạch với vợ về kinh tế. Bà Đỗ Thị Vân A đã khuyên nhủ nhiều nhưng ông H không thay đổi. Đến nay tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng tuy ở chung nhà nhưng không còn nói chuyện với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Đỗ Thị Vân A xác định tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Vân A và ông H có một người con chung tên Lê Hữu Quang Đ, sinh ngày 13/4/2018. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị Vân A xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con: Theo đó bà A yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Hữu Quang Đ và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Đỗ Thị Vân A buôn bán riêng nên chủ động được thời gian để chăm sóc, đưa đón con đi học. Bà có chỗ ở ổn định, tự kinh doanh nên bà không có hợp đồng lao động, bảng lương để giao nộp. Ông H làm nghề lái xe tải thu nhập của ông H khoảng 20.000.000 đồng/tháng nhưng bà không cung cấp được thông tin lao động và bảng lương của ông H để giao nộp. Do vậy căn cứ vào mức sống, chi phí học tập tại địa phương bà Đỗ Thị Vân A đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hữu Quang H đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84

Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Vân A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hữu Quang H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 ngày 18/5/2017, việc kết hôn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Đỗ Thị Vân A xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về chỗ ở, lối sống, không có tiếng nói chung. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài mà không thể hàn gắn được nên bà Đỗ Thị Vân A yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu Quang H. Ông Lê Hữu Quang H đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Đỗ Thị Vân A yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu Quang H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Thị Vân A xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) người con chung tên Lê Hữu Quang Đ, sinh ngày 13/4/2018. Bà Đỗ Thị Vân A có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông H làm nghề lái xe không có thời gian cố định để chăm sóc con. Cháu Đ hiện còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, từ trước tới nay cháu đều sống cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, căn cứ vào các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án giao cháu Đ cho bà Đỗ Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Bà Đỗ Thị Vân A yêu cầu ông Lê Hữu Quang H thực hiện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Xét thấy, việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cho con có cuộc sống tốt hơn và nghĩa vụ đó là nghĩa vụ chung của cha mẹ. Ông Lê Hữu Quang H không cung cấp chứng cứ chứng minh mức thu nhập trung bình của bản thân. Vì vậy, bà Đỗ Thị Vân A căn cứ vào mức học phí và chi phí sinh hoạt của con mỗi tháng khoảng hơn 5.000.000 đồng để yêu cầu ông H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tương ứng 1/2 với số tiền 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp

với chi phí học tập, sinh hoạt và mức sống ở địa phương nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Vân A đối với ông Lê Hữu Quang H về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân A được ly hôn với ông Lê Hữu Quang H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 18/5/2017).

- Về con chung: Ông Lê Hữu Quang H giao 01 (một) con chung tên Lê Hữu Quang Đ, sinh ngày 13/4/2018 cho bà Đỗ Thị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Hữu Quang H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Hữu Quang Đ số tiền mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Lê Hữu Quang H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Đỗ Thị Vân A nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị Vân A và ông Lê Hữu Quang H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Vân A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007718 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Hữu Quang H phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân